

UBND TỈNH QUẢNG NGÃI
SỞ TÀI CHÍNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: *288* /STC-HCSN

Quảng Ngãi, ngày *07* tháng 02 năm 2023

V/v báo cáo tình hình thực hiện
tự chủ năm 2022 đối với đơn vị
hành chính theo Nghị định số
130/2005/ND-CP ngày 17/10/2005;
đơn vị sự nghiệp công lập theo
Nghị định số 60/2021/ND-CP ngày
21/06/2021 của Chính phủ

Kính gửi:

- Các Sở, ban ngành tỉnh;
- Ủy ban MTTQVN tỉnh;
- Văn phòng Tỉnh ủy;
- Văn phòng Đoàn DBQH và HDND tỉnh;
- Văn phòng UBND tỉnh;
- Trường Đại học Phạm Văn Đồng;
- Trường Chính trị tỉnh;
- Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh;
- Trường Cao đẳng nghề Việt Nam - Hàn Quốc -
Quảng Ngãi;
- Ban Chấp hành đoàn tỉnh, Hội Nông dân tỉnh,
Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh, Hội Cựu chiến binh
tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố.

Thực hiện các Nghị định của Chính phủ: số 130/2005/ND-CP ngày 17/10/2005 quy định chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan nhà nước và số 60/2021/ND-CP ngày 21/06/2021 quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập.

Để có cơ sở tổng hợp, tham mưu UBND tỉnh, báo cáo Bộ Tài chính theo quy định, Sở Tài chính kính đề nghị các Sở, ban ngành tỉnh; UBND các huyện, thị xã, thành phố và các đơn vị báo cáo tình hình thực hiện tự chủ năm 2022 đối với đơn vị hành chính theo Nghị định số 130/2005/ND-CP ngày 17/10/2005 của Chính phủ; đơn vị sự nghiệp công lập theo Nghị định số 60/2021/ND-CP của Chính phủ theo các nội dung sau đây:

1. Báo cáo kết quả thực hiện cơ chế tự chủ đối với đơn vị hành chính:

Các Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố báo cáo theo Phụ lục số 06 ban hành kèm theo Thông tư số 71/2014/TT-LT-BTC-BNV ngày 30/5/2014 của Bộ Tài chính và Bộ Nội vụ và tổng hợp số liệu theo mẫu tại Phụ lục số 01 kèm theo Công văn này.

2. Báo cáo kết quả thực hiện cơ chế tự chủ đối với đơn vị sự nghiệp công lập:

- Đơn vị sự nghiệp công lập báo cáo kết quả thực hiện chế độ tự chủ tài chính cho cơ quan quản lý cấp trên (riêng đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc UBND tỉnh báo cáo kết quả thực hiện chế độ tự chủ tài chính cho UBND tỉnh thông qua Sở Tài chính) theo quy định tại khoản 1 Điều 16 Thông tư số 56/2022/TT-BTC ngày 16/9/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập (Báo cáo theo Phụ lục số 6 và Biểu mẫu báo cáo kèm theo Phụ lục số 6 ban hành kèm theo Thông tư số 56/2022/TT-BTC ngày 16/9/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính).

- Trên cơ sở báo cáo của các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc, các Sở, ban, ngành cấp tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành phố tổng hợp, báo cáo đánh giá về tình hình thực hiện cơ chế tự chủ của các đơn vị sự nghiệp công lập năm 2022 theo Phụ lục số 7 và Biểu mẫu báo cáo kèm theo Phụ lục số 7 ban hành kèm theo Thông tư số 56/2022/TT-BTC ngày 16/9/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; đồng thời tổng hợp số liệu theo mẫu tại Phụ lục số 02 kèm theo Công văn này.

Báo cáo gửi về Sở Tài chính **trước ngày 28/02/2022** để tổng hợp. Kính đề nghị cơ quan, đơn vị và địa phương phối hợp, thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên; *lsc*
- UBND tỉnh (báo cáo);
- Phòng TCKH huyện, tx, tp;
- Sở Tài chính;
- † Giám đốc, các PGD Sở;
- † Phòng QLNS(tổng hợp khối huyện);
- † Website STC;
- Lưu: VT, HCSN, bthlinh.

**KT.GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Phạm Hữu Thịnh
Phạm Hữu Thịnh



Phụ lục số 01

TỔNG HỢP SỐ LIỆU THỰC HIỆN CHI ĐỘ TỰ CHỦ THEO NGHỊ ĐỊNH 130/2005/NĐ-CP NĂM 2022

(Kèm theo Công văn số 288/HNH/CS ngày 07/02/2023 của Sở Tài chính)

DVT: triệu đồng

TT	Cơ quan, Đơn vị	Tổng số đơn vị hành chính	Trong đó			Trong đó			Tỷ lệ tiết kiệm (%)	KP không tự chủ	Người TN cao nhất (tr đ/tháng)	Người TN thấp nhất (tr đ/tháng)	Ghi chú	
			Số đơn vị giao quyền tự chủ	Số đơn vị đã XD Quy chế chi tiêu nội bộ	Tổng công	Ngân sách	Nguồn thu	KP thực chi cho hoạt động						KP tiết kiệm được
1	2	3	4	5	6 7+8	7	8	9	10 6-9	11 (10/6)*100	12	13	14	15
TỔNG CỘNG														
Chi tiết đơn vị														

Phụ lục số 02
BIỂU TỔNG HỢP TÌNH HÌNH CHIẾN LƯỢC SỞ CHẾ TẠO SỞ TÀI CHÍNH CỦA CÁC ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP NĂM 2022
 (Kèm theo Công văn số 288/CSN ngày 07/02/2023 của Sở Tài chính Quảng Ngãi)



Số TT	Tên đơn vị	Tổng số đơn vị sự nghiệp được giao tư vấn theo ND số 60/2021/NĐ-CP	Tổng số người làm việc	Số người hưởng lương từ NSXX	Trong đó										Trong đó				
					Tổng số	Nguồn NSXX cấp	Nguồn NSNN đã hàng cung cấp trực vs sự nghiệp công	NSNN hỗ trợ chi thường xuyên giao tư cứu	NSNN cấp chi thường xuyên không giao tư cứu	Nguồn chi phí được để lại chi	Nguồn chi điện và khác	Nguồn vay nợ, viện trợ	Nguồn khác	Tổng số	Nguồn NSXX cấp	Nguồn NSNN đã hàng cung cấp trực vs sự nghiệp công	Trong đó		
																	Quỹ lương	NSNN hỗ trợ chi thường xuyên giao tư cứu	Quỹ lương
1	2	3	4	5	6=7+8+9	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	
TỔNG CỘNG																			
A Sự nghiệp giáo dục và đào tạo																			
I	Đơn vị tư bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư																		
	Chi tiết đơn vị SNCL																		
II	Đơn vị tư bảo đảm chi thường xuyên																		
III	Đơn vị tư bảo đảm một phần chi thường xuyên																		
IV	Đơn vị do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên																		
B Sự nghiệp giáo dục nghề nghiệp																			
I	Đơn vị tư bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư																		
	Chi tiết đơn vị SNCL																		
II	Đơn vị tư bảo đảm chi thường xuyên																		
III	Đơn vị tư bảo đảm một phần chi thường xuyên																		
IV	Đơn vị do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên																		
C Sự nghiệp Y tế																			
I	Đơn vị tư bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư																		
	Chi tiết đơn vị SNCL																		
II	Đơn vị tư bảo đảm chi thường xuyên																		
III	Đơn vị tư bảo đảm một phần chi thường xuyên																		
IV	Đơn vị do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên																		
D Sự nghiệp thông tin và truyền thông																			
I	Đơn vị tư bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư																		
	Chi tiết đơn vị SNCL																		
II	Đơn vị tư bảo đảm chi thường xuyên																		
III	Đơn vị tư bảo đảm một phần chi thường xuyên																		
IV	Đơn vị do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên																		
E Sự nghiệp khoa học và công nghệ																			

Số TT	Tên đơn vị	Tổng nguồn tài chính							Trích lập các Quỹ					Hệ số thu nhập tăng thêm (năm) so với Quỹ tiền lương
		Chi nhiệm vụ thường xuyên không giao tư chủ	Chi phục vụ công tác thu phí	Trong đó		Chi hoạt động dịch vụ khác	Chi vay nợ, vốn trợ	Chi khác	Chênh lệch thu chi	Trích Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp	Trích Quỹ bổ sung thu nhập	Trích Quỹ khen thưởng và Quỹ phúc lợi	Trích Quỹ khác (nếu có)	
				Quỹ lương	Quỹ lương									
20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	32		
TỔNG CỘNG														
A	Sự nghiệp giáo dục và đào tạo													
I	Đơn vị tư bao đảm chi thường xuyên và chi đầu tư													
	Chi tiết đơn vị SNCL													
II	Đơn vị tư bao đảm chi thường xuyên													
III	Đơn vị tư bao đảm một phần chi thường xuyên													
IV	Đơn vị do Nhà nước bao đảm chi thường xuyên													
B	Sự nghiệp giáo dục nghề nghiệp													
I	Đơn vị tư bao đảm chi thường xuyên và chi đầu tư													
	Chi tiết đơn vị SNCL													
II	Đơn vị tư bao đảm chi thường xuyên													
III	Đơn vị tư bao đảm một phần chi thường xuyên													
IV	Đơn vị do Nhà nước bao đảm chi thường xuyên													
C	Sự nghiệp Y tế													
I	Đơn vị tư bao đảm chi thường xuyên và chi đầu tư													
	Chi tiết đơn vị SNCL													
II	Đơn vị tư bao đảm chi thường xuyên													
III	Đơn vị tư bao đảm một phần chi thường xuyên													
IV	Đơn vị do Nhà nước bao đảm chi thường xuyên													
D	Sự nghiệp thông tin và truyền thông													
I	Đơn vị tư bao đảm chi thường xuyên và chi đầu tư													
	Chi tiết đơn vị SNCL													
II	Đơn vị tư bao đảm chi thường xuyên													
III	Đơn vị tư bao đảm một phần chi thường xuyên													
IV	Đơn vị do Nhà nước bao đảm chi thường xuyên													
E	Sự nghiệp khoa học và công nghệ													